TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1188**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1123/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1998; CCCD số: 001198010547; nơi thường trú và hiện trú tại: số nhà E, xóm Đ, thôn Đ, xã B, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1996; nơi thường trú và hiện trú tại: số D, tập thể cơ khí điện B-TDP C, phường H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự: chị Nguyễn Thị Hải V và anh Nguyễn Tiến T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: anh chị đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Hải V tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai thu số 0001607 ngày 20/7/2026. Chị V được trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Duy Vương